

Số: 315/2025/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 25 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA
CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số 1514/2024/HNST ngày 27 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp về ly hôn”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Bùi Thị Lam V, sinh năm 2000;

Địa chỉ thường trú: Số A đường số X phường 6, quận GV, Thành phố H.

Nơi ở hiện nay : Ấp KN, xã TH, huyện PT, tỉnh CM

- Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số A đường số X phường 6, quận GV, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 107; Điều 116; Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

-Nguyên đơn : Chị Bùi Thị Lam V, sinh năm 2000;

Địa chỉ thường trú: Số A đường số X phường 6, quận GV, Thành phố H.

Nơi ở hiện nay : Ấp KN, xã TH, huyện PT, tỉnh CM

- Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số A đường số X phường 6, quận GV, Thành phố H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 63 do Ủy ban nhân dân phường 6, quận G V, Thành phố H cấp cho anh T và chị V vào ngày 20/8/2019 không còn hiệu lực).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Lam V và anh Trần Đình T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 63 do Ủy ban nhân dân phường 6, quận GV, Thành phố H cấp cho anh T và chị V vào ngày 20/8/2019 không còn hiệu lực).

-Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Đ V1 sinh ngày 08/11/2019 và Trần Bùi Khả Doanh, sinh ngày 11/01/2022. Chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ và anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2025 cho đến khi 02 trẻ tròn 18 tuổi.

-Về tài sản chung, nợ chung : Các bên tự khai không có

Việc thi hành được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng anh T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của anh T .

Trên cơ sở lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 (*Một trăm năm ngàn*) đồng Chị V đồng ý tự nguyện chịu. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (*Một trăm năm ngàn*) đồng anh T phải nộp tuy nhiên Chị V đồng ý tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh T là 150.000 (*Một trăm năm ngàn*) đồng và được khấu trừ vào biên lai đã nộp số 0056801 ngày 27/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Do đó Chị V và anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 (*Một trăm năm ngàn*) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (*Một trăm năm ngàn*) đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Gò Vấp;
- UBND phường 6, quận GV;
- Lưu hồ sơ vụ án dân sự;

THẨM PHÁN

Đã ký và đánh dấu